Viện QHTL Miền Nam

BẢN TIN DỰ BÁO LŨ HỆ THỐNG HỒ CHỨA TRÊN LƯU VỰC SÔNG ĐỒNG NAI

Ngày 28/10/2020

V trữ hiện tại ~ 78%
Tổng V MNDBT

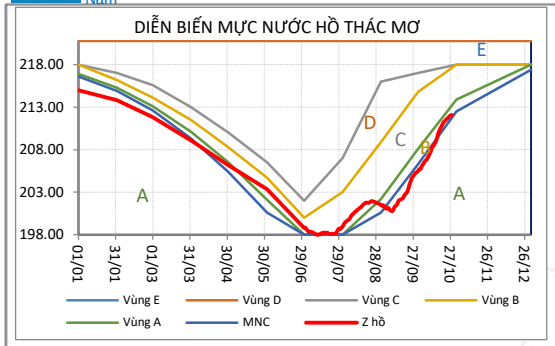

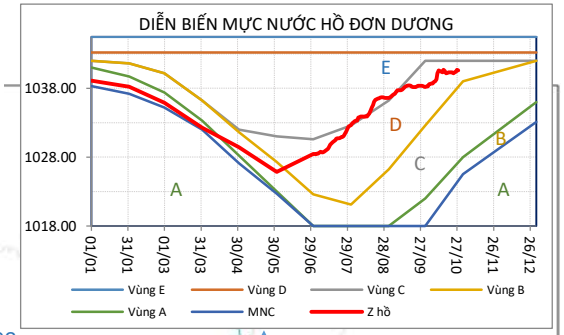

Z=108,55
Qi=125
Qm=173,3
Qx=0
Vh=144,69
~ 87,43% Vmnbt

Z=212,1
Qi=148
Qm=82
Qx=0
Vh=809,78
~ 59,75% Vmnbt

Z=617,63
Qi=81,4
Qm=53,2
Qx=31,1
Vh=133,48
~ 97,34% Vmnbt

Z=587,9
Qi=116
Qm=0
Qx=0
Vh=1580,02
~ 93,49% Vmnbt

Z=679,92
Qi=126,5
Qm=107,3
Qx=6,3
Vh=279,91
~ 99,68% Vmnbt

Z=1040,6
Qi=52
Qm=32
Qx=25
Vh=151,94
~ 92,08% Vmnbt

Z=70,45
Qi=166,5
Qm=203,2
Qx=0
Vh=77,16
~ 77,70% Vmnbt

Z=
Qi=
Qm=
Qx=
Vh=

Z=286,6
Qi=254
Qm=242,4
Qx=0
Vh=243,91
~ 91,01% Vmnbt

Z=475,3
Qi=2
Qm=0
Qx=2
Vh=326,36
~ 96,79% Vmnbt

Z=879,5
Qi=64
Qm=55
Qx=50
Vh=311,14
~ 97,30% Vmnbt

Z=23,09
Qi=
Qm=
Qx=0
Vh=1300,54
~ 82,27%

Z=58,7
Qi=570
Qm=800
Qx=0
Vh=1787,98
~ 64,67% Vmnbt

Z=324,7
Qi=15
Qm=19
Qx=0
Vh=139,04
~ 98,76% Vmnbt

Z=597
Qi=60
Qm=11
Qx=0
Vh=508,98
~ 73,21% Vmnbt

Ghi chú (giá trị ngày 28/10/2020:
Z: Mực nước hồ (m)
Qi: Dòng chảy đến hồ (m3/s)
Qm: Lưu lượng từ nhà máy (m3/s)
Qx: Lưu lượng xả tràn (m3/s)
Vh: Dung tích hồ (tr. m3)
Vmnbt: Dung tích ứng với MNDBT

1,57
-0,39

1,65
-0,72

1,4
-0,85

1,36
-0,95

1,34
-0,33

1,42
0,06

1,36 Mực nước max (m)
-0,95 Mực nước min (m)

Ghi chú :
Vùng A: Hạn chế cấp nước
Vùng B: Cấp nước bình thường
Vùng C: Cấp nước gia tăng
Vùng D: Xả lũ bình thường
Vùng E: Xả lũ bất bình thường

0 Mưa (mm)

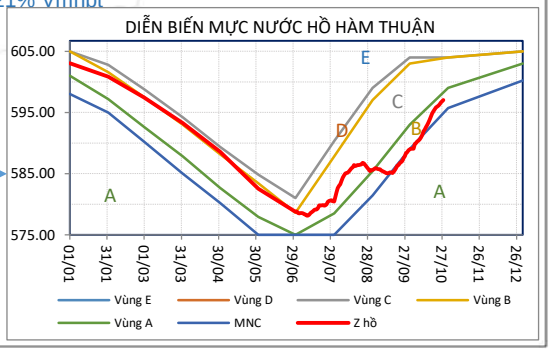

Đặc trưng	Dầu Tiếng	Phước Hoà	Srock Phu Miêng	Cần Đơn	Thác Mơ
MNGC(m)	26,92	48,25	73,60	111,44	220,80
MNBT(m)	24,40	42,90	72,00	110,00	218,00
MNC(m)	17,00	42,50	70,00	104,00	198,00
Vpl(tr.m3)	162,40	160,16	29,30	67,24	312,82
Vhi(tr.m3)	1110,80	11,97	28,57	79,87	1238,67
Vc(tr.m3)	470,00	86,23	70,73	85,62	116,68
Qxả(m3/s)	2.800	7.300	6.153	5.287	3.539
Qnm(m3/s)	60,00	75,00	302,00	268,00	186,00

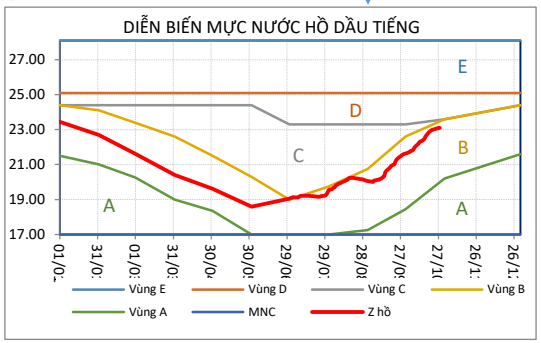

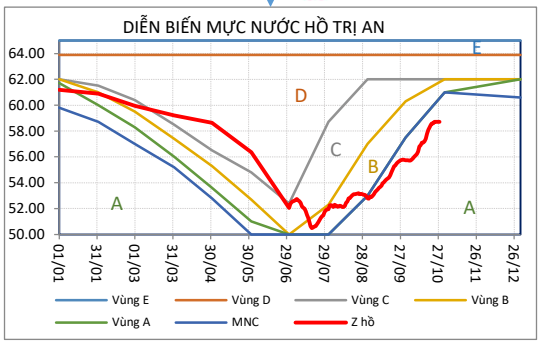

Đặc trưng	Đa Nhim	Đại Ninh	Đồng Nai 2	Đồng Nai 3	Đồng Nai 4	Đăk RTih thượng	Đồng Nai 5	Trị An	Hàm Thuận	Đa Mi
MNGC(m)	1044,60	882,60	681,61	593,24	479,24	619,53	290,74	63,90	606,70	327,40
MNBT(m)	1042,00	880,00	680,00	590,00	476,00	618,00	290,00	62,00	605,00	325,00
MNC(m)	1018,00	860,00	675,00	570,00	474,00	603,00	275,00	50,00	575,00	323,00
Vpl(tr.m3)	11,44	53,78	21,28	188,16	329,34	15,06	110,74	642,38	45,36	16,65
Vhi(tr.m3)	155,14	251,73	55,90	891,48	16,70	101,81	106,30	2546,70	522,50	11,62
Vc(tr.m3)	9,86	68,04	224,90	798,58	320,50	35,31	161,70	218,03	172,73	129,16
Qxả(m3/s)	4.301	6.000	8.663	10.188	10.188	2.330	11.300	18.700	4.500	820
Qnm(m3/s)	24,00	52,00	137,00	215,00	221,00	50,00	294,00	880,00	136,00	137,00

Ghi chú: Tham khảo thêm thông tin dự báo nguồn nước LV sông Đồng Nai, sông Bé, sông Sài Gòn tại website Viện QHTL Miền Nam http://siwrp.org.vn (Thư mục Dự báo NCN, hạn, mặn, CLN)